

NGHỊ QUYẾT

**Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và
cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

*Chính phủ ban hành Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ
tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của
Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh trong các văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Nguyên tắc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh

Việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; tăng tính chủ động của chính quyền địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính; bảo đảm không làm suy giảm điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, an toàn người học.

Điều 3. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục khác theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ tư vấn du học theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo thẩm quyền:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này;

b) Trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này để cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027;

c) Các nội dung phương án cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại Thông tư, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ động xây dựng, ban hành Thông tư để tổ chức thực thi theo đúng thẩm quyền;

d) Công bố thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính;

đ) Hướng dẫn việc thực hiện khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để giảm thiểu tối đa việc yêu cầu thành phần hồ sơ đã được công bố, công khai.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trừ trách nhiệm quy định tại khoản 11 Điều 68 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được đơn giản hóa thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 3 và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận, phù hợp với thời điểm áp dụng của từng quy định theo Điều 5 Nghị quyết này.

2. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được cắt giảm thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 3 và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì dừng việc giải quyết thủ tục hành chính, hoàn trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức nếu có yêu cầu.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và thời điểm có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

2. Các quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh dịch vụ tư vấn du học quy định tại Điều 3 và Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết này:

a) Có hiệu lực cùng thời điểm với Phụ lục IV ban hành kèm Luật Đầu tư năm 2025.

b) Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến trước ngày Phụ lục IV ban hành kèm Luật Đầu tư năm 2025 có hiệu lực thi hành, việc thực hiện các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đối với kinh doanh dịch vụ tư vấn du học tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong thời gian quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do Chính phủ ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

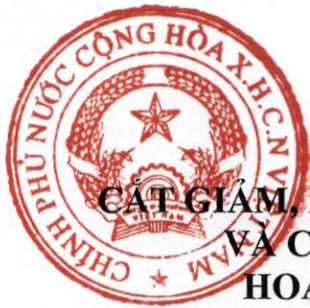
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà



Phụ lục I

CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

*(Kèm theo Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)*

A. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Không thực hiện thủ tục cho phép nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non (sau đây gọi chung là trường mầm non) hoạt động giáo dục trở lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Khoản A.III, mục 1, Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Việc hoạt động giáo dục trở lại của trường mầm non thực hiện theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, trường mầm non tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động giáo dục theo quy định.

Trước khi hoạt động giáo dục trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, trường mầm non có trách nhiệm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động giáo dục của trường mầm non theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

II. Không thực hiện thủ tục cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại quy định tại điểm c khoản 3 Điều 7 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản A.VII, mục 1, Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Việc hoạt động trở lại của cơ sở giáo dục mầm non độc lập thực hiện theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, cơ sở giáo dục mầm non độc lập tự tổ chức hoạt động trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở giáo dục mầm non độc lập có trách nhiệm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập của cơ sở giáo dục mầm non độc lập theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

B. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Các văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Cơ quan chủ trì soạn thảo
I	NGHỊ QUYẾT		
1.	Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Khoản A.III, mục 1, Phụ lục I.3 Khoản A.VII, mục 1, Phụ lục I.3	Bộ Tư pháp
II	NGHỊ ĐỊNH		
1.	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	Điểm c khoản 2 Điều 3 Phụ lục I Điểm c khoản 3 Điều 7 Phụ lục I	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục II

CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

A. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Không thực hiện thủ tục hành chính cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Khoản B.III, mục 1, Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Việc hoạt động giáo dục trở lại của trường tiểu học thực hiện theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, trường tiểu học tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động giáo dục theo quy định.

Trước khi hoạt động giáo dục trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, trường tiểu học có trách nhiệm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động giáo dục của trường tiểu học theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

II. Không thực hiện thủ tục cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (sau đây gọi là trường trung học cơ sở) hoạt động giáo dục trở lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Khoản B.VIII, mục 1, Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Việc hoạt động giáo dục trở lại của trường trung học cơ sở thực hiện theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, trường trung học cơ sở tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động giáo dục theo quy định.

Trước khi hoạt động giáo dục trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, trường trung học cơ sở có trách nhiệm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động giáo dục của trường trung học cơ sở theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

III. Không thực hiện thủ tục cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (sau đây gọi là trường trung học phổ thông) hoạt động giáo dục trở lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Khoản B.XIII, mục 1, Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Việc hoạt động giáo dục trở lại của trường trung học phổ thông thực hiện theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, trường trung học phổ thông tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động giáo dục theo quy định.

Trước khi hoạt động giáo dục trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, trường trung học phổ thông có trách nhiệm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động giáo dục của trường trung học phổ thông theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

B. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Các văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Cơ quan chủ trì soạn thảo
I	NGHỊ QUYẾT		
1	Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Khoản B.III, mục 1, Phụ lục I.3 Khoản B.V.III, mục 1, Phụ lục I.3 Khoản B.XIII, mục 1, Phụ lục I.3	Bộ Tư pháp
II	NGHỊ ĐỊNH		
1	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	Điểm c khoản 2 Điều 13 Phụ lục I Điểm c khoản 2 Điều 20 Phụ lục I	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục III
CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)*

A. PHÂN CẤP THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thẩm quyền thành lập mới phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học công lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tư thực và thẩm quyền cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo đang hoạt động hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ thành lập quy định tại khoản 1 Điều 99 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học công lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tư thực; cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo đang hoạt động hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ thành lập.

II. Thẩm quyền thực hiện thủ tục giải thể cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học thuộc thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập của Thủ tướng Chính phủ và thẩm quyền giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học quy định tại khoản 2 Điều 103 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giải thể cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học thuộc thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập của Thủ tướng Chính phủ; giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học.

B. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Không thực hiện thủ tục cho phép cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động trở lại quy định tại điểm c khoản 3 Điều 101 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

Cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tổ chức hoạt động trở lại theo quy định sau:

Hết thời hạn bị đình chỉ, sau khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường và thông báo bằng văn bản đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

II. Điều kiện thực hiện thủ tục thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo đang hoạt động hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc cho phép thành lập và thành lập hoặc cho phép thành lập mới phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học quy định tại Điều 98 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

1. Việc thành lập hoặc cho phép thành lập mới phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học phải đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm và phù hợp quy hoạch địa phương nơi đặt phân hiệu đã được phê duyệt;

b) Có diện tích đất xây dựng phân hiệu tối thiểu là 02 ha. Địa điểm xây dựng phân hiệu phải bảo đảm về môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên; không đặt gần cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ và không nằm trong vùng cảnh báo nguy hiểm;

c) Đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học công lập phải có dự án đầu tư xây dựng phân hiệu được cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch. Đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tư thục phải có vốn đầu tư với mức tối thiểu là 250 tỷ đồng (không bao gồm giá trị đất xây dựng phân hiệu); vốn đầu tư được xác định bằng tiền mặt và tài sản đã chuẩn bị để đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản; đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 150 tỷ đồng.

2. Việc thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo đang hoạt động hợp pháp phải đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Trường hợp thành lập phân hiệu trên cơ sở các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học ngoài trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học thì được sử dụng xác nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng do cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó;

b) Trường hợp thành lập phân hiệu trên cơ sở các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo khác thì phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 1

Mục này, được sử dụng xác nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng do cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó và các trang thiết bị, cơ sở vật chất hiện có.

III. Hồ sơ thủ tục đề nghị phê duyệt chủ trương thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu và thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập mới phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 99 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

1. Thành lập mới phân hiệu, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học (theo Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP).

Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu (theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP).

Văn bản nhất trí thành lập phân hiệu của cơ quan quản lý có thẩm quyền của cơ sở giáo dục đại học.

Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tại địa phương, trong đó cần nêu rõ: sự cần thiết, tính phù hợp của việc thành lập phân hiệu với quy hoạch của địa phương; chủ trương giao đất hoặc cho thuê đất xây dựng phân hiệu, địa điểm khu đất và khả năng phối hợp, tạo điều kiện của địa phương đối với việc xây dựng và phát triển phân hiệu.

Đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tư thục, ngoài các văn bản nêu trên thì hồ sơ cần có thêm cam kết đầu tư của hội đồng đại học hoặc hội đồng trường và các minh chứng kèm theo về khả năng tài chính của cơ sở giáo dục đại học được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền giao đất hoặc cho thuê đất từ 50 năm trở lên để xây dựng phân hiệu, trong đó xác định rõ địa điểm, mốc giới, địa chỉ, diện tích của khu đất nơi đặt trụ sở phân hiệu.

Trường hợp văn bản pháp lý xác nhận về quyền sử dụng đất để làm trụ sở phân hiệu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục đại học đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu không phải nộp bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nếu có thể khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Các văn bản pháp lý xác nhận về vốn của chủ đầu tư bao gồm:

Đối với cơ sở giáo dục đại học công lập: Các thuyết minh khả năng đầu tư tài chính, quyết định đầu tư tài chính và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

Đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục: Các văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư, chứng minh nguồn gốc vốn góp chủ sở hữu hoặc vốn vay có cam kết xác nhận cho vay; các chứng từ liên quan đến số vốn đã được đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho phân hiệu (có xác nhận của cơ quan tài

chính có thẩm quyền về số vốn đã đầu tư và xác nhận ngân hàng về số vốn trong tài khoản của cơ sở giáo dục đại học tư thục).

Quy hoạch xây dựng phân hiệu và thiết kế tổng thể đã được cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học công lập hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tư thục.

Văn bản báo cáo chi tiết về tình hình triển khai đề án thành lập phân hiệu của cơ quan quản lý có thẩm quyền (đối với trường đại học công lập) hoặc của nhà đầu tư nơi đặt phân hiệu (đối với trường đại học tư thục).

2. Thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo đang hoạt động hợp pháp, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo đang hoạt động hợp pháp (theo Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP).

Đề án thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu (theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP).

Văn bản nhất trí thành lập phân hiệu của cơ quan quản lý có thẩm quyền của cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo đang hoạt động hợp pháp.

Văn bản chấp thuận về việc thành lập phân hiệu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi phân hiệu đặt trụ sở, trong đó cần nêu rõ: Sự cần thiết, tính phù hợp của việc thành lập phân hiệu với quy hoạch của địa phương (trừ trường hợp thành lập phân hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 98 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP).

Văn bản pháp lý xác nhận về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo.

IV. Trình tự thực hiện thủ tục đề nghị phê duyệt chủ trương thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu và thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập mới phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 99 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

1. Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định qua Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục đại học biết để sửa đổi, bổ sung.

3. Đối với hồ sơ hợp lệ, trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định gồm: Đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi phân hiệu cơ sở giáo dục đại học đặt trụ sở.

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tính khả thi của đề án thành lập phân hiệu để xem xét, quyết định thành lập; Hội đồng thẩm định tự giải thể khi phân hiệu được thành lập.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày được thành lập, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ đề án, thẩm định thực tế để đánh giá chính xác về những điều kiện, nội dung đề án. Trường hợp đề án chưa đủ điều kiện theo quy định, Hội đồng thẩm định tham mưu Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục đại học đề nghị thành lập phân hiệu để sửa đổi, bổ sung.

4. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề án đã được hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác cho ý kiến bằng văn bản đối với đề án thành lập phân hiệu. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục đại học đề nghị thành lập phân hiệu hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ ý kiến nhất trí bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị liên quan hoặc nhận được hồ sơ đã hoàn thiện theo ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm rà soát, tham mưu Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu (theo Mẫu số 13 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi phân hiệu đặt địa điểm.

6. Sau thời hạn 04 năm kể từ ngày quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu có hiệu lực, nếu phân hiệu không đủ điều kiện để được phép hoạt động đào tạo thì Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định hủy bỏ quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu, đồng thời xử lý thu hồi quyền sử dụng đất xây dựng phân hiệu đã giao theo thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu hết hiệu lực thì Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai; đối với các tài sản trên đất sẽ giải quyết theo các quy định hiện hành.

V. Hồ sơ thủ tục đề nghị giải thể cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học thuộc thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập của Thủ tướng Chính phủ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học) và hồ sơ thủ tục giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học) quy định tại khoản 3 Điều 103 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

1. Văn bản đề nghị giải thể cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục đại học công lập hoặc Văn bản đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng trường đối với trường tư thục (theo Mẫu số 10 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP);

2. Đề án giải thể cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học (theo Mẫu số 11 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 125/2024/NĐ-CP).

VI. Trình tự thực hiện thủ tục giải thể cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học thuộc thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập của Thủ tướng Chính phủ và thủ tục giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học quy định tại khoản 4 Điều 103 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

1. Cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục đại học công lập; tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục gửi hồ sơ đề nghị giải thể theo quy định trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm tra hồ sơ và ra quyết định giải thể, cho phép giải thể. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không quyết định giải thể, cho phép giải thể thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Quyết định giải thể được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trên phương tiện thông tin đại chúng.

Sau khi giải thể, Nhà nước sẽ thu hồi đất theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai; đối với các tài sản trên đất sẽ giải quyết theo các quy định hiện hành (đối với cơ sở giáo dục đại học công lập).

VII. Hồ sơ thủ tục công nhận đại học quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP

1. Tờ trình đề nghị công nhận đại học (theo Mẫu số 3 Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2026/NĐ-CP), trong đó nêu rõ về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP.

2. Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý trực tiếp về việc đề nghị công nhận là đại học đối với cơ sở giáo dục đại học công lập hoặc văn bản thể hiện sự đồng thuận của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng vốn góp, kèm theo danh sách nhà đầu tư và tỷ lệ vốn góp đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục, nghị quyết của Hội đồng trường tư thục.

3. Báo cáo tổng hợp số liệu ba năm liên tục tính đến ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ về: tổ chức, cơ cấu ngành và quy mô đào tạo, kèm theo danh sách các trường thuộc cơ cấu tổ chức; danh mục ngành đào tạo

đến trình độ tiến sĩ; số liệu quy mô đào tạo chính quy; đội ngũ giảng viên, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ và giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy; cơ cấu người học theo trình độ đào tạo và tỷ lệ người học là sinh viên quốc tế; nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kèm theo số liệu, minh chứng về sản phẩm khoa học và tỷ trọng thu từ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; điều kiện tài chính, bao gồm cơ cấu nguồn thu, cơ cấu chi, khả năng tự bảo đảm chi thường xuyên và kết quả kiểm toán theo quy định.

Báo cáo tổng hợp số liệu ba năm liên tục tính đến ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ được cơ quan có thẩm quyền khai thác từ Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, Cơ sở dữ liệu giáo dục đại học và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp các cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, minh chứng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học.

VIII. Hồ sơ thủ tục công nhận đại học vùng quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP và hồ sơ thủ tục công nhận đại học quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP

1. Hồ sơ thủ tục công nhận đại học vùng

a) Tờ trình đề nghị công nhận đại học vùng (theo Mẫu số 3 Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2026/NĐ-CP), trong đó nêu rõ về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP;

b) Đề án công nhận đại học vùng (trong đó có các nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP).

Báo cáo tổng hợp số liệu ba năm liên tục tính đến ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ theo điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP được cơ quan có thẩm quyền khai thác từ Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, Cơ sở dữ liệu giáo dục đại học và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp các cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, minh chứng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng.

2. Hồ sơ thủ tục công nhận đại học quốc gia

a) Tờ trình đề nghị công nhận đại học quốc gia (theo Mẫu số 3 Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2026/NĐ-CP), trong đó nêu rõ về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP;

b) Đề án công nhận đại học quốc gia (trong đó có các nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP).

Báo cáo tổng hợp số liệu ba năm liên tục tính đến ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ theo điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2026/NĐ-CP được cơ quan có thẩm quyền khai thác từ Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, Cơ sở dữ liệu giáo dục đại học và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo

quy định của pháp luật. Trường hợp các cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, minh chứng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học quốc gia.

IX. Điều kiện cho phép trường đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 96 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

1. Có cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động đối với ngành, lĩnh vực dự kiến đào tạo, quy mô dự kiến tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Có chương trình đào tạo và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập đáp ứng yêu cầu hoạt động đối với các ngành, lĩnh vực dự kiến đào tạo, quy mô dự kiến tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Có đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của ngành, lĩnh vực dự kiến đào tạo và quy mô dự kiến tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động của trường đại học theo đúng cam kết trong đề án thành lập trường.

X. Điều kiện thực hiện thủ tục cho phép phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 100 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

1. Có cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động đối với ngành, lĩnh vực dự kiến đào tạo, quy mô dự kiến tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Có chương trình đào tạo và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập đáp ứng yêu cầu hoạt động đối với các ngành, lĩnh vực dự kiến đào tạo, quy mô dự kiến tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Có đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của ngành, lĩnh vực dự kiến đào tạo và quy mô dự kiến tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động của phân hiệu theo đúng cam kết trong đề án thành lập phân hiệu.

C. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ

TT	Các văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Cơ quan chủ trì soạn thảo
	NGHỊ ĐỊNH		

1	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung Điều 98, Điều 99, điểm c khoản 3 Điều 101; khoản 3 Điều 96. Bãi bỏ khoản 1, khoản 6 Điều 96; điểm a, điểm e khoản 1 Điều 100	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Nghị định số 91/2026/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 9, điểm b khoản 2 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 7	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục IV
CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI
TẠI VIỆT NAM, PHÂN HIỆU CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

A. PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thẩm quyền cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam.

II. Thẩm quyền giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam.

B. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

I. Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 35, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học quy định tại Điều 94, Điều 95 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

II. Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 5a Điều 35, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

1. Điều kiện cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

Vốn đầu tư:

Dự án đầu tư thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam phải có vốn đầu tư tối thiểu là 500 tỷ đồng (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 250 tỷ đồng.

2. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

a) Đơn đề nghị cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác, chia sẻ được dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cá nhân, tổ chức không phải cung cấp thành phần hồ sơ này;

c) Đề án thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của văn bản chấp thuận cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp xây dựng cơ sở vật chất hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và các giấy tờ pháp lý liên quan. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu của địa phương hoặc của cơ quan nhà nước thì cá nhân, tổ chức không phải cung cấp thành phần hồ sơ này;

đ) Kế hoạch về cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục hoặc dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bao gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục;

e) Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức vốn đầu tư tại điều kiện Cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam;

g) Thông tin về vị trí xếp hạng thuộc nhóm 500 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu thế giới;

h) Văn bản kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài xin thành lập phân hiệu còn hiệu lực hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép đào tạo và cấp văn bằng.

3. Trình tự thực hiện thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua VNeid hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

c) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử cho nhà đầu tư;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời;

đ) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo thẩm định hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền theo quy xem xét, quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

e) Trường hợp hồ sơ không được chấp thuận, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

Sau thời hạn 04 năm kể từ ngày quyết định cho phép thành lập có hiệu lực, nếu phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam không được cho phép hoạt động giáo dục thì quyết định cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam hết hiệu lực.

III. Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 35, Điều 43, Điều 44 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tư thực quy định tại Điều 98, Điều 99 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

IV. Thủ tục Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 36, khoản 4 Điều 38, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 96, Điều 97 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, thủ tục Cho phép phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 100 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; đồng thời Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/ NĐ-CP

1. Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu

chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

2. Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

3. Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

4. Chương trình giáo dục của nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

V. Thủ tục cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 36, Điều 37, khoản 5 Điều 38, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

1. Điều kiện cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

1.1. Về cơ sở vật chất, thiết bị:

a) Diện tích đất xây dựng phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam không thấp hơn mức quy định về diện tích đất xây dựng phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động;

b) Diện tích xây nhà bình quân ít nhất là 09 m²/sinh viên, trong đó diện tích học tập ít nhất là 06 m²/sinh viên, diện tích nhà ở và sinh hoạt của sinh viên ít nhất là 03 m²/sinh viên;

c) Có đủ số giảng đường, phòng học, phòng chức năng phù hợp và đáp ứng yêu cầu đào tạo theo ngành và phương thức tổ chức đào tạo;

d) Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và ban giám hiệu bảo đảm đáp ứng được cơ cấu tổ chức phòng, ban, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất là 08 m²/người;

đ) Có hội trường, thư viện, cơ sở thí nghiệm, thực tập, thực hành và các cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và hoạt động khoa học - công nghệ;

e) Có nhà ăn, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ sinh hoạt cho cán bộ, giảng viên và sinh viên;

g) Có khu công trình kỹ thuật, nhà để xe ô tô, xe máy, xe đạp.

1.2. Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

b) Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Chương trình giáo dục của nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP).

1.3. Về đội ngũ nhà giáo đối với cơ sở giáo dục đại học:

a) Giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học trong cùng lĩnh vực giảng dạy trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Giảng viên là người bản ngữ nước ngoài dạy kỹ năng ngoại ngữ tại cơ sở giáo dục đại học phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp.

2. Hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam

a) Đơn đăng ký hoạt động giáo dục theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

b) Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục;

c) Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện;

d) Báo cáo giải trình về việc phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đã đáp ứng các nội dung quy định đảm bảo chất lượng giáo dục tại các Điều 35, 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, đồng thời gửi kèm:

- Danh sách hiệu trưởng (giám đốc), phó hiệu trưởng (phó giám đốc), trưởng các khoa, phòng, ban và kế toán trưởng. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục của phân hiệu cơ sở giáo dục đại học, cần bổ sung danh sách cán bộ phụ trách phân hiệu và cơ cấu, bộ máy tổ chức của phân hiệu;

- Danh sách và lý lịch cá nhân của cán bộ, giáo viên, giảng viên (cơ hữu, thỉnh giảng);

- Mô tả cấp học, trình độ đào tạo, ngành đào tạo;

- Chương trình, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập, danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chính;

- Đối tượng tuyển sinh, quy chế và thời gian tuyển sinh;

- Quy chế đào tạo;

- Quy mô đào tạo (học sinh, sinh viên, học viên);

- Các quy định về học phí và các loại phí liên quan;

- Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo;

- Mẫu văn bằng, chứng chỉ sẽ được sử dụng.

3. Trình tự thực hiện thủ tục cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua VNeID hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 20 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định các điều kiện theo quy định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, cấp quyết định cho phép hoạt động theo Mẫu số 17 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho nhà đầu tư.

Trường hợp cơ sở giáo dục chưa đủ điều kiện để hoạt động, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời bằng văn bản cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

VI. Không thực hiện thủ tục cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

Việc hoạt động trở lại của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, sau khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

VII. Không thực hiện thủ tục bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP

Cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục như sau:

1. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài theo thủ tục Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 96, Điều 97 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động đào tạo đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

Đối với chương trình giáo dục của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam, phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

2. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài theo thủ tục cho phép phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học hoạt động đào tạo quy định tại Điều 100 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động đào tạo đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

Đối với chương trình giáo dục của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam, phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

3. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với phân hiệu cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo thủ tục cho phép hoạt động đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 36, Điều 37, khoản 5 Điều 38, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

VIII. Thủ tục giải thể cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục giải thể cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học quy định tại Điều 103 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

IX. Thủ tục giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

1. Hồ sơ đề nghị giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP

a) Đơn đề nghị giải thể, chấm dứt hoạt động phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam;

b) Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam, trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.

2. Trình tự thực hiện thủ tục giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua VNeID hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định, thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho nhà đầu tư.

Quyết định giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam phải ghi rõ lý do giải thể, các biện pháp bảo đảm quyền hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên và phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

X. Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 35, khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; khoản Đ.I Mục 1, khoản Đ.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ quy định tại Điều 3 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Điều 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản A.I Mục 1, khoản A.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XI. Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 35, khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; khoản Đ.I Mục 1, khoản Đ.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học quy định

tại Điều 15 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Điều 11 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.I Mục 1, khoản B.I Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông quy định tại Điều 25 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Điều 18 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.VI, khoản B.XI Mục 1, B.III Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XII. Thủ tục giải thể cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.II, Đ.III Mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) quy định tại Điều 5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản A.V Mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XIII. Thủ tục giải thể cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.II, Đ.III Mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) quy định tại Điều 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.V Mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; thủ tục giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường), thủ tục giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) quy định tại Điều 22 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.X, khoản B.XV Mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XIV. Không thực hiện thủ tục cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn quy định tại khoản 1 Điều 36, Điều 37, khoản 1 Điều 38, Điều 45, Điều 46, điểm a khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

XV. Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 36, khoản 2 Điều 38, Điều 45, Điều 46, điểm b khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi,

bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.IV Mục 1, khoản Đ.II Mục 1, Đ.III, Đ.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục quy định tại Điều 3 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản A.II mục 1, A.II Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; đồng thời Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, đã được sửa đổi tại khoản Đ.III Mục 2 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

1. Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

b) Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm D.III.1.a, điểm D.III.1.b và điểm D.III.1.c mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

2. Cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy:

a) Chương trình giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài đối với các cơ sở giáo dục quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định 86/2018/NĐ-CP.

3. Thực hiện môn học, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở

giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XVI. Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 36, khoản 3 Điều 38, Điều 45, Điều 46, điểm b khoản 2 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, khoản Đ.IV Mục 1, khoản Đ.II, Đ.III, Đ.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP được thực hiện theo thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục quy định tại Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản B.II Mục 1, B.II Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XVII. Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục, thủ tục cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục quy định tại Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản B.VII, khoản B.XII Mục 1, B.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; đồng thời Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 của Nghị định số 124/2024/NĐ-CP, đã được sửa đổi tại khoản Đ.III Mục 2 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

1. Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

b) Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm D.III.1.a, điểm D.III.1.b và điểm D.III.1.c mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP;

2. Cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy:

a) Chương trình giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của nước ngoài đối với các cơ sở giáo dục quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định 86/2018/NĐ-CP.

3. Thực hiện môn học, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XVIII. Không thực hiện thủ tục Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP

Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục như sau:

1. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài theo thủ tục Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục quy định tại Điều 3 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Điều 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản A.II mục 1, A.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động giáo dục đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

Đối với chương trình giáo dục của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam, phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

2. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo thủ tục Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục quy định tại Điều 12 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản B.II mục 1, B.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; thủ tục Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục, thủ tục Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt

động giáo dục quy định tại Điều 19 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, khoản B.VII, khoản B.XII Mục 1, B.IV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP trên cơ sở các nội dung đề nghị bổ sung, điều chỉnh so với quyết định cho phép hoạt động đào tạo đã được ban hành.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

Đối với chương trình giáo dục của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam, phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 124/2024/NĐ-CP.

XIX. Không thực hiện thủ tục Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP

Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tổ chức hoạt động giáo dục trở lại như sau:

Hết thời hạn đình chỉ, sau khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

XX. Không thực hiện thủ tục Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

XXI. Không thực hiện thủ tục Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 61 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP đã được sửa

đổi, bổ sung bởi Nghị định 124/2024/NĐ-CP; Điều 29, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; khoản Đ.VIII, khoản Đ.X, khoản Đ.XI mục 1 Phụ lục I.3 kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam theo quy định sau:

Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam khi có tư cách pháp nhân hợp lệ theo pháp luật nước sở tại; có hoạt động trong lĩnh vực giáo dục hợp pháp và được kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng giáo dục; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và tự chịu trách nhiệm về việc đáp ứng các yêu cầu này.

Trước khi hoạt động ít nhất 15 ngày làm việc, tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đặt văn phòng đại diện. Nội dung thông báo gồm các thông tin về Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập Văn phòng đại diện giáo dục (Tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có), quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, fax, email); Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (Tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có), địa chỉ và thông tin liên hệ trụ sở Văn phòng đại diện); nhân sự làm việc tại Văn phòng đại diện (Trưởng Văn phòng đại diện: họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ thường trú tại Việt Nam, hộ chiếu/số căn cước công dân - nơi cấp, ngày tháng năm cấp; số lượng nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện); nội dung hoạt động và các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có).

Trường hợp có thay đổi các nội dung đã thông báo hoặc chấm dứt hoạt động, tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đặt văn phòng đại diện.

Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục nước ngoài Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam trên cơ sở nội dung đã thông báo và quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp không đáp ứng yêu cầu hoặc hoạt động không đúng nội dung đã thông báo.

XXII. Thủ tục Cho phép thành lập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài; trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại Điều 9; khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 13; Điều 14 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Thành lập trường cao đẳng quy định tại Điều 3, Điều 6, khoản 3 Điều 7, Điều 8 Nghị định số

143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; đồng thời chương trình đào tạo thực hiện tại trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận phải đáp ứng các yêu cầu:

1. Chương trình đào tạo dự kiến phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy chương trình đào tạo của Việt Nam; chương trình đào tạo của nước ngoài trong khuôn khổ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định.

3. Các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam theo học các chương trình đào tạo của nước ngoài trong các trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XXIII. Thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 11, khoản 3 Điều 12, khoản 1 Điều 13, Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP được thực hiện theo thủ tục Thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường cao đẳng quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXIV. Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 17 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Chia, tách, sáp nhập trường cao đẳng quy định tại Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

XXV. Thủ tục Đổi tên trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài (Mã quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo theo thủ tục Đổi tên trường cao đẳng quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXVI. Thủ tục Giải thể trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 18 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Giải thể trường cao đẳng quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

XXVII. Thủ tục Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 19 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục giải thể phân hiệu của trường cao đẳng quy định tại Điều 9 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXVIII. Thủ tục Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại Điều 9, Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 13, Điều 14 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP, Điều 27 Nghị định 142/2025/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực quy định tại Điều 3, Điều 6, khoản 1 Điều 7, Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; đồng thời chương trình đào tạo thực hiện tại trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận phải đáp ứng các yêu cầu:

1. Chương trình đào tạo dự kiến phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy chương trình đào tạo của Việt Nam; chương trình đào tạo của nước ngoài trong khuôn khổ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định.

3. Các môn học bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam theo học các chương trình đào tạo của nước ngoài trong các trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XXIX. Thủ tục Thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 11, khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 13, Điều 15 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXX. Thủ tục Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 17 Nghị định

số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP, Điều 28 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

XXXI. Thủ tục Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP, Điều 28 Nghị định 142/2025/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2026/NĐ-CP.

XXXII. Thủ tục Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 18 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 24/2022/NĐ-CP, Điều 28 Nghị định 142/2025/NĐ-CP thực hiện theo thủ tục Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

XXXIII. Không thực hiện thủ tục Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại Điều 29, Điều 31, Điều 32, Điều 33 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 24/2022/NĐ-CP, Điều 9 Nghị định 143/2025/NĐ-CP thành lập và hoạt động theo quy định sau:

1. Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam khi có tư cách pháp nhân hợp lệ theo pháp luật nước sở tại; có hoạt động trong lĩnh vực giáo dục hợp pháp và được kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng giáo dục; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và tự chịu trách nhiệm về việc đáp ứng các yêu cầu này.

2. Trước khi hoạt động ít nhất 15 ngày làm việc, tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo

dục và Đào tạo nơi đặt văn phòng đại diện. Nội dung thông báo gồm các thông tin về Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài thành lập Văn phòng đại diện giáo dục (Tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có), quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, fax, email); Văn phòng đại diện giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (Tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có), địa chỉ và thông tin liên hệ trụ sở Văn phòng đại diện); nhân sự làm việc tại Văn phòng đại diện (Trưởng Văn phòng đại diện: họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ thường trú tại Việt Nam, hộ chiếu/số căn cước công dân - nơi cấp, ngày tháng năm cấp; số lượng nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện); nội dung hoạt động và các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có).

Trường hợp có thay đổi các nội dung đã thông báo hoặc chấm dứt hoạt động, tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đặt văn phòng đại diện.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục nước ngoài, Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam trên cơ sở nội dung đã thông báo và quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp không đáp ứng yêu cầu hoặc hoạt động không đúng nội dung đã thông báo.

C. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ

TT	Các văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Cơ quan chủ trì soạn thảo
I	NGHỊ QUYẾT		
1.	Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Khoản Đ.I mục 1, khoản Đ.I mục 2 Phụ lục I.3; Khoản Đ.II, Đ.III mục 1 Phụ lục I.3 Khoản Đ.IV mục 1, khoản Đ.II, Đ.III, Đ.IV mục 2 Phụ lục I.3; Khoản Đ.VIII, khoản Đ.X, khoản Đ.XI mục 1 Phụ lục I.3	Bộ Tư pháp
II	NGHỊ ĐỊNH		
1	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP	Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Khoản 1 Điều 40; Khoản 2 Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45;	Bộ Giáo dục và Đào tạo

		Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 50; Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 57; Điều 58; Điều 60; Điều 61	
2	Nghị định số 124/2024/NĐ-CP	Điểm b khoản 18 Điều 1; Điểm b khoản 23 Điều 1; Khoản 24, 25, 27, 28, 29, 30, 31, 33, 34 Điều 1	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP	Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 29; Điều 31; Điều 32; Điều 33	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	Nghị định 24/2022/NĐ-CP	Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 16, 20 Điều 2	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục V
CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN,
CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC

*(Kèm theo Nghị quyết số/2026/NQ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)*

A. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Không thực hiện thủ tục cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 29 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản C.XI mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trung tâm học tập cộng đồng tổ chức hoạt động trở lại theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, trung tâm tự tổ chức hoạt động trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, trung tâm có trách nhiệm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập của trung tâm theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

II. Không thực hiện thủ tục cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 25 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản C.VII mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tổ chức hoạt động trở lại theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, trung tâm tự tổ chức hoạt động trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, trung tâm có trách nhiệm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập của trung tâm theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

III. Không thực hiện thủ tục cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 33 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản C.III mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tổ chức hoạt động trở lại theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, trung tâm tự tổ chức hoạt động trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, trung tâm có trách nhiệm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập của trung tâm theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

IV. Không thực hiện thủ tục cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản C.XV mục 1 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tổ chức hoạt động trở lại theo quy định sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, trung tâm tự tổ chức hoạt động trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, trung tâm có trách nhiệm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập của trung tâm theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.

B. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Các văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Cơ quan chủ trì soạn thảo
I	NGHỊ QUYẾT		
1.	Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Khoản C.III mục 1 Phụ lục I.3; Khoản C.VII mục 1 Phụ lục I.3; Khoản C.XI mục 1 Phụ lục I.3; Khoản C.XV mục 1 Phụ lục I.3	Bộ Tư pháp
II	NGHỊ ĐỊNH		
1.	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	Điểm c khoản 2 Điều 25 Phụ lục I; Điểm c khoản 2 Điều 29 Phụ lục I; Điểm c khoản 2 Điều 33 Phụ lục I; Điểm c khoản 2 Điều 37 Phụ lục I	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục VI
CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐỐI VỚI
KINH DOANH DỊCH VỤ TƯ VẤN DU HỌC
(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

A. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Không thực hiện thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; thủ tục Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại; thủ tục Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học tổ chức hoạt động và Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc quản lý hoạt động tư vấn du học quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP như sau:

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học có trách nhiệm:

a) Trước khi hoạt động ít nhất 05 ngày làm việc, thông báo bằng văn bản đến Sở Giáo dục và Đào tạo nơi triển khai hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học. Nội dung thông báo gồm các thông tin về: Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có), tên viết tắt (nếu có), số, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành Giấy phép đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, email, website); người đứng đầu tổ chức (họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ thường trú tại Việt Nam, số căn cước công dân - nơi cấp - ngày tháng năm cấp); Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học kèm theo các thông tin về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm nhiệm tại tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; nội dung hoạt động tư vấn du học và các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có);

b) Thông báo cập nhật khi có thay đổi về nội dung đã thông báo hoặc khi chấm dứt hoạt động;

c) Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện việc công khai thông tin hoạt động trên trang thông tin điện tử của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (nếu có);

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật;

đ) Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các yêu cầu theo quy định và về toàn bộ hoạt động kinh doanh tư vấn du học.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận thông báo, cập nhật thông tin về tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học vào hệ thống quản lý;
- b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trên cơ sở nội dung đã thông báo và quy định của pháp luật;
- c) Thực hiện thanh tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;
- d) Công khai thông tin về tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học theo quy định.

B. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Các văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Cơ quan chủ trì soạn thảo
	NGHỊ ĐỊNH		
1.	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP	Điều 116; Điều 117; Điều 118	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục VII
CẮT GIẢM, PHÂN CẤP, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-CP
ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

A. CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng quy định tại Điều 88, Điều 89 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng thực hiện theo thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; khoản G.II mục 1, khoản G.I mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

II. Không thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng quy định tại khoản 4 Điều 89 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng thực hiện theo thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; khoản G.II mục 1, khoản G.I mục 2 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

III. Không thực hiện thủ tục cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 90 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP mà thực hiện theo mục IV phần này.

IV. Không thực hiện thủ tục ra quyết định cho phép tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP

Việc tiếp tục tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện như sau:

Hết thời hạn đình chỉ, khi đã khắc phục đầy đủ các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự tổ chức hoạt động giáo dục trở lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định.

Trước khi hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị, trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền về việc đã khắc phục các nguyên nhân bị đình chỉ, kèm theo tài liệu minh chứng (nếu có).

Cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì các điều kiện hoạt động của trường cao đẳng theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện không bảo đảm điều kiện thì xử lý theo thẩm quyền.)

V. Không thực hiện thủ tục sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng sư phạm quy định tại Điều 92 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

Việc sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng sư phạm thực hiện theo thủ tục Sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng quy định tại Điều 10 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

VI. Không thực hiện thủ tục giải thể trường cao đẳng sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường) quy định tại Điều 93 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP

Việc giải thể trường cao đẳng sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường) thực hiện theo thủ tục giải thể trường cao đẳng quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

VII. Không thực hiện thủ tục cho phép thành lập trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 41 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP

Việc cho phép thành lập trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo thủ tục thành lập trường cao đẳng quy định tại Điều 3, Điều 6, khoản 3 Điều 7, Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

VIII. Không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động

giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; khoản G.IV mục 1, khoản G.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

IX. Không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP, Điều 62 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

X. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP, Điều 62 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

1. Các trường hợp đăng ký thay đổi hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a) Bổ sung ngành, nghề, trình độ đào tạo mới (trừ trường hợp tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);

b) Vượt quá 10% tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề tại từng địa điểm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

c) Chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

d) Thành lập phân hiệu có tổ chức hoạt động đào tạo hoặc bổ sung địa điểm đào tạo ngoài địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

đ) Chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo đến nơi khác, mà phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo là nơi trực tiếp tổ chức đào tạo.

2. Việc đăng ký thay đổi hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp thực hiện theo thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản

2 Điều 17 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; khoản G.IV mục 1, khoản G.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XI. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; khoản G.III, G.V mục 1, khoản G.I, G.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

1. Các trường hợp đăng ký thay đổi hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a) Bổ sung ngành, nghề, trình độ đào tạo mới (trừ trường hợp tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);

b) Vượt quá 10% tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề tại từng địa điểm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

c) Chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

d) Thành lập phân hiệu có tổ chức hoạt động đào tạo hoặc bổ sung địa điểm đào tạo ngoài địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

đ) Chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo đến nơi khác, mà phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo là nơi trực tiếp tổ chức đào tạo.

2. Việc đăng ký thay đổi hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng thực hiện theo thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP, Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; khoản G.II mục 1, khoản G.I mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

XII. Không thực hiện thủ tục cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP

Việc chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo thủ tục Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục, phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 11, Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP.

B. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ

TT	Các văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Cơ quan chủ trì soạn thảo
	NGHỊ ĐỊNH		
1	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung Điều 88; Điều 89; Điều 90; khoản 1, 2, 3 Điều 92; Điều 93 - Sửa đổi, bổ sung Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14, khoản 15, khoản 16 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; Điều 62 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản G.III, G.IV mục 1, khoản G.I, G.II mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP. - Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	Bộ Giáo dục và Đào tạo

2	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14, khoản 15, khoản 16 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Điều 62 Phụ lục I Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản G.II mục 1, khoản G.I mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.	Bộ Giáo dục và Đào tạo
---	---	---	------------------------